



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 6 tháng 10 năm 2021. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường
Ông Trần Quang Nghị
Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Vũ Hồng Tuấn
Ông Nguyễn Xuân Đông

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Nguyễn Song Hải
Ông Lê Trung Hải
Ông Phạm Văn Tân
Ông Lê Mạc Thuấn
Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Phạm Xuân Trình

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng
Bà Đoàn Thị Thu Hương
Bà Đặng Thị Hồng Lê
Bà Nguyễn Thanh Lê
Bà Đào Thị Minh Hòa

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 13/5/2024)
Thành viên (đến ngày 13/5/2024)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00281-25-1



Trương Vĩnh Phúc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1901-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Trương Tuyết Mai
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.709.869.049.611	2.269.780.989.761
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	82.985.966.045	97.426.193.157
Tiền	111		82.985.966.045	83.426.193.157
Các khoản tương đương tiền	112		-	14.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.328.900.000.000	1.117.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.328.900.000.000	1.117.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		826.152.218.764	778.631.675.896
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6(a)	429.006.461.943	365.740.904.829
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	50.237.947.887	30.393.025.882
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	80.949.876.704	119.637.964.603
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	265.957.932.230	262.859.780.582
Hàng tồn kho	140	10	448.337.576.291	259.051.367.225
Hàng tồn kho	141		457.162.989.217	285.795.004.290
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.825.412.926)	(26.743.637.065)
Tài sản ngắn hạn khác	150		23.493.288.511	16.771.753.483
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.156.441.333	3.481.285.051
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.219.886.532	10.980.839.283
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16(a)	1.116.960.646	2.309.629.149

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.573.843.956.558	5.749.096.845.268
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.783.499.993.687	1.791.695.774.317
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6(b)	61.843.907.911	61.843.907.911
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	1.365.322.574.707	1.338.857.792.967
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	356.333.511.069	390.994.073.439
Tài sản cố định	220		690.552.342.886	755.751.424.697
Tài sản cố định hữu hình	221	11	636.163.892.089	699.603.530.456
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.699.625.825.006</i>	<i>1.659.862.020.373</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(1.063.461.932.917)</i>	<i>(960.258.489.917)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	12	54.388.450.797	56.147.894.241
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>81.905.473.511</i>	<i>81.905.473.511</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(27.517.022.714)</i>	<i>(25.757.579.270)</i>
Tài sản dở dang dài hạn	240		334.598.697.430	274.187.600.718
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	334.598.697.430	274.187.600.718
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	2.726.777.322.221	2.889.510.606.306
Đầu tư vào công ty con	251		2.191.080.629.010	2.191.080.629.010
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.042.840.855.779	1.038.269.855.779
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		39.789.498.900	39.789.498.900
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(546.933.661.468)	(379.629.377.383)
Tài sản dài hạn khác	260		38.415.600.334	37.951.439.230
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	38.415.600.334	37.951.439.230
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.283.713.006.169	8.018.877.835.029

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

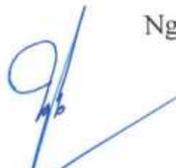
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.508.832.782.765	2.230.098.283.649
Nợ ngắn hạn	310		947.370.236.782	689.327.792.367
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	279.536.369.564	142.529.528.219
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.072.757.629	1.605.645.255
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(b)	1.751.265.021	10.833.347.921
Phải trả người lao động	314		14.908.969.497	11.980.245.252
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17(a)	4.869.756.061	6.361.467.810
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	17.051.866.022	26.002.155.584
Vay ngắn hạn	320	19(a)	580.329.133.800	455.704.440.681
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	35.850.119.188	34.310.961.645
Nợ dài hạn	330		1.561.462.545.983	1.540.770.491.282
Chi phí phải trả dài hạn	333	17(b)	9.296.985.600	9.761.834.880
Phải trả dài hạn khác	337		1.397.210.130	1.486.850.151
Vay dài hạn	338	19(b)	1.550.768.350.253	1.529.521.806.251
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		5.774.880.223.404	5.788.779.551.380
Vốn chủ sở hữu	410	21	5.755.566.000.417	5.768.606.661.478
Vốn cổ phần	411	22	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		182.111.222.970	195.151.884.031
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		25.751.884.031	69.601.007.596
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		156.359.338.939	125.550.876.435
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	24	543.092.845.095	543.092.845.095
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		19.314.222.987	20.172.889.902
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	25	19.314.222.987	20.172.889.902
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.283.713.006.169	8.018.877.835.029

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:


Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng


Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

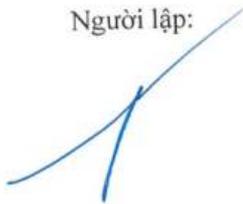
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.694.938.379.548	1.427.532.432.102
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	1.619.332.169.468	1.405.839.632.578
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		75.606.210.080	21.692.799.524
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	539.914.108.315	535.633.323.248
Chi phí tài chính	22	30	314.564.216.888	348.838.234.102
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		124.393.716.712	130.496.514.505
Chi phí bán hàng	25	31	40.423.539.322	37.125.943.875
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	110.299.118.944	77.800.354.289
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		150.233.443.241	93.561.590.506
Thu nhập khác	31	33	6.212.332.289	45.295.346.553
Chi phí khác	32	34	86.436.591	5.126.863.699
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.125.895.698	40.168.482.854
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		156.359.338.939	133.730.073.360
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	-	8.179.196.925
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		156.359.338.939	125.550.876.435

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		156.359.338.939	133.730.073.360
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		102.567.303.840	104.470.093.383
Các khoản dự phòng	03		149.386.059.946	171.709.240.592
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		11.713.137.303	14.003.994.542
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(528.329.450.615)	(565.257.169.993)
Chi phí lãi vay	06		124.393.716.712	130.496.514.505
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		16.090.106.125	(10.847.253.611)
Biến động các khoản phải thu	09		(60.651.466.466)	163.978.876.123
Biến động hàng tồn kho	10		(171.367.984.927)	60.862.329.722
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		103.381.999.847	(91.301.537.160)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.153.822.970)	1.181.441.789
			(113.701.168.391)	123.873.856.863
Tiền lãi vay đã trả	14		(128.204.524.412)	(129.070.508.946)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(456.000.000)	(8.179.196.925)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(17.860.842.457)	(10.624.368.543)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(260.222.535.260)	(24.000.217.551)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(62.582.028.613)	(73.335.237.203)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		13.636.363.636	48.145.454.546
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(702.798.057.661)	(1.138.116.258.668)
Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	24		539.564.582.518	1.129.063.870.247
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.571.000.000)	(50.334.300.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	22.720.320.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		536.626.610.945	582.834.812.179
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		319.876.470.825	520.978.661.101
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.395.511.270.874	1.196.705.644.647
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.320.699.882.405)	(1.441.617.557.788)
Tiền trả cổ tức	36		(149.979.090.500)	(299.938.330.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(75.167.702.031)	(544.850.243.541)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(15.513.766.466)	(47.871.799.991)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		97.426.193.157	143.092.970.042
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.073.539.354	2.205.023.106
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	82.985.966.045	97.426.193.157

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo GCNĐKHKĐCN số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo GCNĐKHKĐCN số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo GCNĐKHKĐCN số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Phát triển Sản xuất và Kinh doanh Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo GCNĐKHKĐCN số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo GCNĐKHKĐCN số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 (1/1/2024: 34 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3) và 29 công ty liên kết (1/1/2024: 31 công ty liên kết). Chi tiết về các công ty con cấp 1 và các công ty liên kết trọng yếu được trình bày tại Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 640 nhân viên (1/1/2024: 638 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
 - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
 - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt may Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn Dệt May Việt Nam không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng từ 10 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê không phải thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm trước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	6.725.441.953	5.565.435.062
Tiền gửi ngân hàng	76.225.181.111	77.755.063.885
Tiền đang chuyển	35.342.981	105.694.210
Các khoản tương đương tiền	-	14.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	82.985.966.045	97.426.193.157
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.328.900.000.000	1.117.900.000.000
	1.336.686.492.060	1.130.876.570.138

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm trong khoảng từ 3,9% đến 4,2%/năm (1/1/2024: từ 3,6% đến 8,5%/năm).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn bao gồm giá gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2024: 110.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 19(b)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024		1/1/2024		Giá trị hợp lý VND
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:					
▪ Công ty con					
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	-	532.242.925.014	-
• Công ty TNHH MTV Dệt kim Đồng Phương	100,00%	100,00%	(157.938.495.098)	163.627.554.636	(138.230.486.777)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	61,87%	61,87%	-	189.153.465.950	-
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	(26.032.500.000)	26.032.500.000	(26.032.500.000)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	(50.527.953.856)	81.555.023.813	(14.864.483.416)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đồng Xuân	100,00%	100,00%	(6.673.743.534)	115.191.925.340	(8.046.090.430)
• Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	(23.343.851.478)	24.852.076.451	(22.888.261.231)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phú Núi	51,00%	51,00%	-	38.633.449.251	-
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	60,73%	60,73%	-	122.656.621.350	-
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	60,86%	60,86%	-	172.033.729.000	-
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	100,00%	100,00%	(257.189.089.790)	500.000.000.000	(150.516.974.066)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	100,00%	100,00%	-	191.301.358.205	(8.896.017.608)
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52,00%	52,00%	-	33.800.000.000	(7.368.064.412)
			(521.705.633.756)	2.191.080.629.010	(376.842.877.940)
▪ Công ty liên kết					
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	26,37%	26,37%	-	64.157.524.344	-
• Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	35,22%	35,21%	-	48.705.037.797	-
• Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	35,01%	35,01%	-	47.350.233.012	-
• Tổng Công ty May 10 – CTCP	32,21%	32,21%	-	97.190.682.268	-
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	-	288.033.867.683	-
• Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	46,93%	46,93%	-	196.304.445.135	-
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			(25.228.027.712)	301.099.065.540	(2.786.499.443)
			(25.228.027.712)	1.038.269.855.779	(2.786.499.443)
▪ Đơn vị khác					
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	1,83%	1,83%	-	19.450.204.510	-
• Các khoản đầu tư khác			-	20.339.294.390	-
			-	39.789.498.900	-
			(546.933.661.468)	3.273.710.983.689	(379.629.377.383)

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 13 công ty con cấp 1 và 17 công ty liên kết cấp 1. Các công ty con và công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

- (*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Phải thu của khách hàng**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8/3	139.678.970.930	123.195.405.597
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	55.149.504.909	27.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	14.804.567.129	9.174.142.931
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	11.391.164.802	8.537.782.446
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	6.635.342.041	7.172.891.034
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	4.763.853.764	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	3.460.263.518	4.175.280.264
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	1.875.269.220	3.355.724.240
Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết		
▪ Các công ty liên kết	356.400.000	400.216.163
Phải thu các khách hàng khác		
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Hoàng	92.761.853.545	71.663.650.506
▪ Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú	21.998.731.253	-
▪ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	13.557.093.823	11.998.898.862
▪ Sumtex Industrial Limited	18.649.101.703	-
▪ Xiamen Haixia Investment Co., Ltd.	10.762.005.546	14.452.882.611
▪ Hong Kong Yan Yan Trading Limited	6.809.221.989	-
▪ Shaoxing Gallo Textile Co. Ltd.	1.144.456.438	-
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	3.455.335.966	2.376.759.110
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hưng Tiến Phát	-	90.018.736.000
▪ Các khách hàng khác	21.753.325.367	19.191.535.065
	429.006.461.943	365.740.904.829

Khoản phải thu từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn của khách hàng**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải thu của khách hàng là công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	61.843.907.911	61.843.907.911

Khoản phải thu khách hàng từ công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo kế hoạch trả nợ đã được thống nhất giữa hai bên.

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trả trước cho người bán là các công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	1.908.528.317	-
Trả trước cho người bán là các công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần May Nam Định	2.849.864.000	2.849.864.000
▪ Công ty Cổ phần May Bình Minh	12.556.372	43.596.151
Trả trước cho người bán là bên khác		
▪ Henan Tongzhou Cotton Trade Co., Ltd.	13.524.967.367	-
▪ Targray Markets Europe SA	8.933.603.560	-
▪ Cofco International Singapore Pte. Ltd.	5.428.706.346	-
▪ Targray Technology International Inc.	4.383.605.498	-
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành	3.775.927.332	15.563.007.609
▪ Công ty Cổ phần Bất động sản Việt Bắc	1.620.992.880	-
▪ ADM International Sarl	1.491.918.997	-
▪ Xinfengming Jiangsu Xintuo New Material Co., Ltd.	502.604.329	-
▪ Ecom Agroindustrial Corp. Ltd.	313.705.041	-
▪ Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp	-	6.444.160.938
▪ Các nhà cung cấp khác	5.490.967.848	5.492.397.184
	50.237.947.887	30.393.025.882

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu về cho vay từ các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	23.200.000.000	23.200.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (ii)	16.438.837.321	14.250.503.698
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	6.716.123.787	5.822.075.008
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (ii)	6.612.870.407	5.732.566.673
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (ii)	4.159.608.517	3.605.882.597
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (ii)	2.512.589.779	2.178.114.550
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8/3 (ii)	2.348.952.488	2.036.260.723
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 1 (ii)	1.860.894.405	1.613.172.746
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 2 (iii)	17.100.000.000	11.400.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (iv)	-	43.399.388.608
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	-	6.400.000.000
	<hr/>	<hr/>
	80.949.876.704	119.637.964.603

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	Năm dào hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu về cho vay từ các công ty con			
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)		-	23.200.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (ii)	2035	516.330.778.160	509.186.881.533
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	2035	210.948.093.238	208.029.438.124
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (ii)	2035	207.704.982.228	204.831.198.831
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (ii)	2035	130.649.988.600	128.842.329.277
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (ii)	2035	78.918.443.899	77.826.536.826
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 (ii)	2035	73.778.725.851	72.757.931.393
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 1 (ii)	2035	58.449.214.835	57.640.517.695
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 2 (iii)	2027	23.542.959.288	34.942.959.288
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (iv)	2026	64.999.388.608	21.600.000.000
		1.365.322.574.707	1.338.857.792.967

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay hiện còn số dư như sau:

- (i) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 8,0%/năm áp dụng cho kỳ 6 tháng đầu tiên từ ngày giải ngân đến hết ngày 21 tháng 6 năm 2023. Sau thời điểm này, khoản cho vay này hưởng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam áp dụng cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (ii) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 19(b)(i)). Các khoản cho vay này được tính lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.
- (iii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và không hưởng lãi trong năm 2022, từ năm 2023 lãi suất của khoản phải thu về cho vay này được tính theo lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng loại trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố áp dụng đối với các tổ chức, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (iv) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 7,0%/năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải thu	178.020.933.261	183.077.154.359
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (i)	32.100.800.000	30.215.687.677
Tiền lãi cho vay	25.015.218.271	23.066.079.425
Lãi tiền gửi	7.786.492.060	12.976.570.138
Lãi và phí quản lý khoản vay ADB	6.915.130.816	7.620.107.643
Tạm ứng cho công nhân viên	6.509.723.736	2.886.377.785
Phải thu từ điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	7.501.375.304	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.108.258.782	3.017.803.555
	<hr/>	<hr/>
	265.957.932.230	262.859.780.582

- (i) Khoản phải thu này bao gồm gốc vay và lãi vay ngân hàng mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thanh toán hộ cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex liên quan đến các hợp đồng vay dài hạn để xây dựng Nhà máy Bạc Liêu, Nhà máy Kiên Giang và Nhà máy Cần Thơ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	67.947.559.608	56.925.142.030
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	55.168.797.763	40.490.372.894
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	32.100.800.000	30.215.687.677
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	24.887.671.859	37.161.368.704
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	16.964.521.692	17.191.877.370
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	11.691.080.861	11.691.080.861
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	5.021.962.904	3.990.213.670
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	5.270.032.482	5.536.428.883
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	2.040.000.000	6.120.000.000
▪ Các công ty con khác	3.932.890.306	3.382.123.750
Công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	10.227.398.000	10.227.398.000
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	3.942.000.000	-
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	3.415.281.000	10.245.843.000
▪ Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	-	6.953.392.000
▪ Các công ty liên kết khác	17.484.978	3.727.500.000
	<hr/> 242.627.481.453	<hr/> 243.858.428.839 <hr/>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có điều khoản thanh toán theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu dài hạn khác từ công ty con		
Phải thu từ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 (i)	170.496.650.079	170.496.650.079
Phải thu dài hạn Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	136.932.000.000	136.932.000.000
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (iii)	11.110.697.380	22.427.936.180
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (Thuyết minh 9(a))	-	21.041.638.094
Phải thu từ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân do điều chuyển tài sản	13.944.789.609	16.246.475.085
Phải thu tiền thuê nhà xưởng từ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	13.510.094.763	13.510.094.763
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc bảo đảm thực hiện dự án đầu tư Dự án Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam (iv)	5.715.000.000	5.715.000.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.620.992.879	4.620.992.879
Khác	3.286.359	3.286.359
	356.333.511.069	390.994.073.439

- (i) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH MTV Dệt 8-3. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.
- (ii) Khoản phải thu này liên quan đến khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài Chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.
- (iii) Khoản phải thu này phản ánh gốc vay và lãi vay ngân hàng mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thanh toán hộ cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex liên quan đến các hợp đồng vay dài hạn để xây dựng Nhà máy May Tuyên Quang.
- (iv) Phản ánh khoản tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam ký quỹ tại tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam nhằm mục đích bảo đảm thực hiện Dự án Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	277.691.564.392	-	120.943.246.829	-
Nguyên vật liệu	82.035.334.818	(2.094.879.939)	31.080.531.286	(1.002.452.675)
Công cụ và dụng cụ	4.656.898.518	-	6.441.728.578	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.711.569.683	-	12.718.366.516	(139.166.980)
Thành phẩm	67.307.510.014	(5.334.156.775)	95.490.180.628	(25.113.324.386)
Hàng hóa	13.760.111.792	(1.396.376.212)	19.120.950.453	(488.693.024)
	<u>457.162.989.217</u>	<u>(8.825.412.926)</u>	<u>285.795.004.290</u>	<u>(26.743.637.065)</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 77.607 triệu VND nguyên vật liệu, 54.702 triệu VND thành phẩm, 12.407 triệu VND hàng hóa (1/1/2024: 1.215 triệu VND nguyên vật liệu, 10.600 triệu VND bán thành phẩm, 83.653 triệu VND thành phẩm và 535 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	486.313.965.494	1.082.805.268.308	38.911.428.602	51.831.357.969	1.659.862.020.373
Tăng trong năm	-	2.209.770.517	7.393.036.363	-	9.602.806.880
Tài sản nhận điều chuyển từ công ty con	-	37.097.030.585	1.543.031.507	-	38.640.062.092
Tài sản điều chuyển cho công ty con	(1.284.323.899)	(15.250.732.486)	(3.696.024.923)	-	(20.231.081.308)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.812.611.424	-	-	-	11.812.611.424
Phân loại lại	(423.238.200)	2.521.714.829	-	(2.098.476.629)	-
Xóa sổ	-	(60.594.455)	-	-	(60.594.455)
Số dư cuối năm	496.419.014.819	1.109.322.457.298	44.151.471.549	49.732.881.340	1.699.625.825.006
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	263.758.412.598	627.401.955.574	28.314.434.274	40.783.687.471	960.258.489.917
Khấu hao trong năm	19.687.937.816	73.862.357.250	3.435.213.704	3.666.512.957	100.652.021.727
Tài sản nhận điều chuyển từ công ty con	-	13.689.286.913	1.407.235.619	-	15.096.522.532
Tài sản điều chuyển cho công ty con	(729.925.021)	(8.662.046.210)	(3.092.535.573)	-	(12.484.506.804)
Phân loại lại	(423.238.200)	423.238.200	-	-	-
Xóa sổ	-	(60.594.455)	-	-	(60.594.455)
Số dư cuối năm	282.293.187.193	706.654.197.272	30.064.348.024	44.450.200.428	1.063.461.932.917
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	222.555.552.896	455.403.312.734	10.596.994.328	11.047.670.498	699.603.530.456
Số dư cuối năm	214.125.827.626	402.668.260.026	14.087.123.525	5.282.680.912	636.163.892.089

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 171.172 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 123.834 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 53.426 triệu VND (1/1/2024: 71.007 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 19(b)).

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	78.833.849.210	3.071.624.301	81.905.473.511
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	23.115.016.936	2.642.562.334	25.757.579.270
Khấu hao trong năm	1.638.730.776	120.712.668	1.759.443.444
Số dư cuối năm	24.753.747.712	2.763.275.002	27.517.022.714
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	55.718.832.274	429.061.967	56.147.894.241
Số dư cuối năm	54.080.101.498	308.349.299	54.388.450.797

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 2.173 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 2.086 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	274.187.600.718	199.397.851.883
Tăng trong năm	72.223.708.136	75.296.768.505
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.812.611.424)	(507.019.670)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	334.598.697.430	274.187.600.718

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự án Cao ốc Văn phòng – Căn hộ Vinatex Building	266.976.773.659	231.363.017.151
Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh	28.657.525.878	57.048.400
Thời trang Vinatex	18.973.452.363	18.973.452.363
Nhà máy Sợi Nam Định	12.387.453.797	12.387.453.797
Kho nguyên liệu và thành phẩm Nhà máy Sợi Phú Cường	5.813.893.461	5.516.620.734
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	1.789.598.272	5.890.008.273
Các công trình khác	<hr/>	<hr/>
	334.598.697.430	274.187.600.718

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	33.991.943.293	4.400.766.570	(441.270.633)	37.951.439.230
Tăng trong năm	-	4.116.992.524	1.843.506.158	5.960.498.682
Phân bổ trong năm	(1.014.505.584)	(3.745.402.474)	(736.429.520)	(5.496.337.578)
Phân loại lại	-	(878.293.647)	878.293.647	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	32.977.437.709	3.894.062.973	1.544.099.652	38.415.600.334

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả người bán là các công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	121.055.860	143.590.666
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	112.241.752	132.139.504
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	63.555.840	62.714.960
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	23.005.200	-
▪ Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex	-	176.768.460
▪ Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú	-	15.062.035
Phải trả người bán là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	27.692.517.297	16.951.111.930
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	5.553.732.026	9.567.462.483
▪ Chi nhánh Công ty TNHH Coats Phong Phú	1.086.666.630	-
▪ Công ty Cổ phần May Nam Định	184.755.267	280.658.275
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	96.803.687	504.882.351
▪ Công ty Cổ phần May Bình Minh	30.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinatex	22.453.152	-
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	-	409.845.146
▪ Công ty Cổ phần May Việt Thắng	-	44.139.025
Phải trả người bán khác		
▪ Louis Dreyfus Company Suisse SA	61.052.952.767	63.299.082
▪ Henan Tongzhou Cotton Trade Co., Ltd.	54.232.004.146	-
▪ Olam Global Agri Pte Ltd	42.187.854.341	-
▪ Ecom USA, LLC	19.736.015.012	-
▪ Công ty Cổ phần May Tiên Tiên	16.911.286.725	11.049.690.435
▪ Targray Technology International Inc.	9.140.041.376	-
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	7.510.982.998	7.510.982.998
▪ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nguyễn Gia Việt Nam	3.742.973.890	-
▪ Công ty TNHH Greenyellow Smart Solutions Việt Nam	1.366.056.948	-
▪ Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng Sài Gòn	1.080.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Luxxy Việt Nam	1.027.064.513	-
▪ Otto Stadlander GmbH	-	23.859.644.761
▪ Ecom Agroindustrial Corp. Ltd.	-	19.238.037.172
▪ Timbro Swiss Ltd.	-	16.020.912.917
▪ CDI Cotton Distributors Inc. - CDI Société Cotonnière de Distribution S.A.	-	11.326.553.509
▪ Hongkong Natural Resources Trading Company Limited	-	8.183.955.430
▪ Các nhà cung cấp khác	26.562.350.137	16.988.077.080
	279.536.369.564	142.529.528.219

Khoản phải trả các công ty con và các công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số phát sinh/ đã bù trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	204.960.646	456.000.000	-	660.960.646
<i>Văn phòng</i>	204.960.646	456.000.000	-	660.960.646
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	456.000.000	-	456.000.000
<i>Văn phòng</i>	-	456.000.000	-	456.000.000
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	68.348.000	(68.348.000)	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	68.348.000	(68.348.000)	-
Tiền thuế đất, thuế đất	2.104.668.503	1.403.112.335	(3.507.780.838)	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	996.105.600	664.070.400	(1.660.176.000)	-
<i>Trung tâm Phát triển Sản xuất và Kinh doanh Vinatex</i>	1.108.562.903	739.041.935	(1.847.604.838)	-
	2.309.629.149	2.383.460.335	(3.576.128.838)	1.116.960.646

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	1/1/2024	Số phát sinh	Số đã nộp/được hoàn	Bù trừ với thuế	31/12/2024
	VND	trong năm	trong năm	GTGT đầu vào	VND
Thuế					
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.799.741.241	44.066.891.034	(5.823.378.002)	(39.851.072.936)	1.192.181.337
<i>Văn phòng</i>	<i>1.077.079.884</i>	<i>23.975.535.842</i>	<i>(1.077.153.516)</i>	<i>(23.975.462.210)</i>	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	<i>1.482.810.889</i>	<i>7.166.817.290</i>	<i>(3.009.486.483)</i>	<i>(5.640.141.696)</i>	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	<i>4.479.123.941</i>	-	<i>(3.496.625.082)</i>	982.498.859
<i>Trung tâm Phát triển Sản xuất và Kinh doanh Vinatex</i>	239.850.468	8.445.413.961	(1.736.738.003)	(6.738.843.948)	209.682.478
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.778.401.785	(7.778.401.785)	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	<i>1.724.522.439</i>	<i>(1.724.522.439)</i>	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	<i>4.882.669.926</i>	<i>(4.882.669.926)</i>	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	<i>1.171.209.420</i>	<i>(1.171.209.420)</i>	-	-
Thuế nhập khẩu	-	341.546.815	(341.546.815)	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	<i>65.070.263</i>	<i>(65.070.263)</i>	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	<i>22.452.184</i>	<i>(22.452.184)</i>	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	<i>254.024.368</i>	<i>(254.024.368)</i>	-	-
Các loại thuế khác	471.515.668	4.935.580.448	(4.848.012.432)	-	559.083.684
+ Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	<i>3.000.000</i>	<i>(3.000.000)</i>	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	<i>1.000.000</i>	<i>(1.000.000)</i>	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	<i>1.000.000</i>	<i>(1.000.000)</i>	-	-
<i>Nhà máy May Quế Sơn</i>	-	<i>1.000.000</i>	<i>(1.000.000)</i>	-	-
<i>Trung tâm Phát triển Sản xuất và Kinh doanh Vinatex</i>	-	<i>2.000.000</i>	<i>(2.000.000)</i>	-	-
<i>Nhà máy Yarndyed</i>	-	<i>1.000.000</i>	<i>(1.000.000)</i>	-	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	31/12/2024 VND
+ Thuế thu nhập cá nhân	471.515.668	4.926.580.448	(4.839.012.432)	-	559.083.684
<i>Văn phòng</i>	449.218.451	4.755.051.371	(4.668.774.888)	-	535.494.934
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	13.547.493	52.935.762	(56.249.621)	-	10.233.634
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	6.141.000	43.277.974	(45.617.252)	-	3.801.722
<i>Trung tâm Phát triển Sản xuất và Kinh doanh Vinatex</i>	2.608.724	75.315.341	(68.370.671)	-	9.553.394
Các khoản phải nộp khác	7.562.091.012	4.236.648.497	(11.798.739.509)	-	-
+ Tiền thuê đất, thuế đất	-	4.165.573.428	(4.165.573.428)	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	1.936.024.612	(1.936.024.612)	-	-
<i>Trung tâm Phát triển Sản xuất và Kinh doanh Vinatex</i>	-	2.179.316.816	(2.179.316.816)	-	-
<i>Nhà máy May Quế Sơn</i>	-	50.232.000	(50.232.000)	-	-
+ Các khoản khác	7.562.091.012	71.075.069	(7.633.166.081)	-	-
<i>Văn phòng</i>	7.562.091.012	71.075.069	(7.633.166.081)	-	-
	10.833.347.921	61.359.068.579	(30.590.078.543)	(39.851.072.936)	1.751.265.021

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.012.773	2.972.809.633
Chi phí phải trả khác	4.377.894.008	2.923.808.897
	<hr/>	<hr/>
	4.404.906.781	5.896.618.530
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng	464.849.280	464.849.280
	<hr/>	<hr/>
	4.869.756.061	6.361.467.810

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	9.761.834.880	10.226.684.160
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(464.849.280)	(464.849.280)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	9.296.985.600	9.761.834.880

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với phần diện tích được sử dụng bởi Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Tài Nguyên trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đến năm 2046.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải trả	491.952.225	471.042.725
Lãi vay phải trả	7.601.471.047	8.466.481.887
Quỹ từ thiện	2.845.248.287	3.145.248.287
Các khoản phải trả khác	6.113.194.463	13.919.382.685
	<hr/>	<hr/>
	17.051.866.022	26.002.155.584

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong năm Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	31/12/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (*)	394.473.346.788	1.395.511.270.874	(1.259.558.828.832)	217.535.463	530.643.324.293
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19(b))	61.231.093.893	47.397.305.717	(61.141.053.573)	2.198.463.470	49.685.809.507
	455.704.440.681	1.442.908.576.591	(1.320.699.882.405)	2.415.998.933	580.329.133.800

(*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD	3,2%	105.346.555.754	277.138.850.472
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	3,2% - 4,5%	131.443.007.088	44.225.004.828
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	USD	3,2%	20.878.039.817	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	VND	3,2% - 3,8%	150.370.341.223	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	3,6% - 4,1%	103.558.497.075	62.516.412.215
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	USD	-	19.046.883.336	2.030.389.911
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình	USD	3,2%	8.562.689.362	8.562.689.362
			530.643.324.293	394.473.346.788

Các khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng Phát triển Châu Á (i)	USD	Thả nổi	2039	1.600.454.159.760	1.572.708.003.602
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	USD	-	2024	-	11.477.033.700
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	-	2024	-	6.567.862.842
				1.600.454.159.760	1.590.752.900.144
				(49.685.809.507)	(61.231.093.893)
				1.550.768.350.253	1.529.521.806.251

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 19(a))

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 53.426 triệu VND (1/1/2024: 71.007 triệu VND) (Thuyết minh 11);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH MTV Dệt 8-3, Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú; và
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2024: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với giá trị 110.000 triệu VND) (Thuyết minh 5(a)).

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Sofr 6 tháng (từ 1 tháng 6 năm 2022) bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%.

Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	34.310.961.645	35.435.330.188
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	19.400.000.000	9.500.000.000
Sử dụng trong năm	(17.860.842.457)	(10.624.368.543)
Số dư cuối năm	35.850.119.188	34.310.961.645

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	5.000.000.000.000	30.361.932.352	379.101.007.596	543.092.845.095	5.952.555.785.043
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	125.550.876.435	-	125.550.876.435
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(9.500.000.000)	-	(9.500.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(300.000.000.000)	-	(300.000.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2024	5.000.000.000.000	30.361.932.352	195.151.884.031	543.092.845.095	5.768.606.661.478
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	156.359.338.939	-	156.359.338.939
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(19.400.000.000)	-	(19.400.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(150.000.000.000)	-	(150.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	5.000.000.000.000	30.361.932.352	182.111.222.970	543.092.845.095	5.755.566.000.417

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	31/12/2024 và 1/1/2024	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH ITOCHU Corporation	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Các cổ đông khác	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 13 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 150.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2023, tương ứng với tỷ lệ 3% trên mệnh giá (2023: cổ tức bằng tiền trị giá 300.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với tỷ lệ 6% trên mệnh giá).

24. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	Tại ngày 31/12/2024 và ngày 1/1/2024 VND
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
	<hr/>
	543.092.845.095

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	20.172.889.902	22.214.516.922
Hao mòn tài sản cố định và phân bổ giá trị quyền sử dụng đất của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(858.666.915)	(2.041.627.020)
Số dư cuối năm	19.314.222.987	20.172.889.902

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng 1 năm	22.105.074.240	21.339.474.240
Trong vòng 2 đến 5 năm	31.615.572.950	47.430.403.486
Sau 5 năm	48.543.546.240	51.399.048.960
	102.264.193.430	120.168.926.686

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.033.896	26.150.155.565	551.578	13.299.858.625
EUR	99.870	2.607.935.257	99.605	2.626.609.339
		28.758.090.822		15.926.467.964

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	98.551.801.005	106.966.664.136

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024 VND	2023 VND
Bán hàng và dịch vụ gia công	1.603.389.639.116	1.357.480.030.529
Cung cấp dịch vụ	91.548.740.432	70.052.401.573
	1.694.938.379.548	1.427.532.432.102

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2024 VND	2023 VND
Hàng hoá đã bán và dịch vụ gia công	1.592.618.897.090	1.380.835.136.292
Dịch vụ đã cung cấp	44.631.496.517	47.212.300.284
Hàng tồn kho bị tổn thất do hòa hoãn	-	6.145.113.303
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.918.224.139)	(28.352.917.301)
	1.619.332.169.468	1.405.839.632.578

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2024	2023
	VND	VND
Cổ tức	374.746.516.545	346.967.723.731
Lãi tiền gửi	50.059.227.668	61.702.302.185
Lãi cho vay	103.523.706.402	103.163.580.280
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác	-	12.577.320.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.493.285.590	6.832.584.825
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.091.372.110	4.389.812.227
	<hr/>	<hr/>
	539.914.108.315	535.633.323.248
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí tài chính

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	124.393.716.712	130.496.514.505
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	167.304.284.085	200.760.219.793
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.153.078.788	3.577.505.262
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.713.137.303	14.003.994.542
	<hr/>	<hr/>
	314.564.216.888	348.838.234.102
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí bán hàng**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	12.898.852.106	11.702.497.500
Chi phí khấu hao và phân bổ	6.904.881.178	8.956.495.006
Cước vận chuyển quốc tế	4.973.148.419	4.386.859.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.006.237.284	2.771.647.836
Các chi phí bán hàng khác	12.640.420.335	9.308.444.051
	<hr/>	<hr/>
	40.423.539.322	37.125.943.875

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	43.857.555.352	16.128.518.989
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.829.898.984	9.901.996.110
Chi phí thuê đất và nhà cửa	22.107.780.581	18.041.347.867
Công tác phí	3.456.219.093	4.967.089.130
Chi phí thuế, phí và lệ phí	72.678.056	144.933.462
Chi phí điện, nước, điện thoại	1.103.368.240	1.294.723.490
Chi phí tư vấn, dịch vụ chuyên môn	1.348.096.294	3.263.678.242
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	32.523.522.344	24.058.066.999
	<hr/>	<hr/>
	110.299.118.944	77.800.354.289

33. Thu nhập khác

	2024 VND	2023 VND
Thu từ thanh lý tài sản góp vốn dự án hợp tác đầu tư	-	16.181.818.182
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần May Liên Phương không thành công	5.400.000.000	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	29.092.464.841
Thu nhập khác	812.332.289	21.063.530
	<hr/>	<hr/>
	6.212.332.289	45.295.346.553

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

34. Chi phí khác

	2024 VND	2023 VND
Giá trị còn lại của tài sản góp vốn dự án hợp tác đầu tư đã thanh lý	-	4.428.039.226
Chi phí khác	86.436.591	698.824.473
	<hr/>	<hr/>
	86.436.591	5.126.863.699

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	458.486.143.184	527.832.562.660
Chi phí nhân viên	108.401.936.258	73.222.357.836
Chi phí khấu hao và phân bổ	99.986.854.039	104.470.093.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.650.679.318	116.604.410.139
Chi phí khác	32.943.557.080	37.885.291.657

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	-	8.179.196.925

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024	2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	156.359.338.939	133.730.073.360
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	31.271.867.788	26.746.014.672
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	2.995.422.210	1.729.926.755
Giá trị thuế của thu nhập không bị tính thuế	(74.949.303.309)	(69.393.544.746)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận cho lỗ năm hiện hành	53.383.260.642	47.720.589.062
Biến động chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(12.701.247.331)	1.376.211.182
	-	8.179.196.925

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời	(61.015.957.170)	(12.203.191.434)	2.490.279.485	498.055.897
Lỗi tính thuế	615.387.154.554	123.077.430.911	348.470.851.346	69.694.170.269
	554.371.197.384	110.874.239.477	350.961.130.831	70.192.226.166

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2025	Đã quyết toán	6.579.335.154
2027	Chưa quyết toán	138.992.237.540
2028	Chưa quyết toán	202.899.278.652
2029	Chưa quyết toán	266.916.303.208
		615.387.154.554

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Chi tiết doanh thu					Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN 2024 VND
		Tổng doanh thu 2024 VND	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2024 VND	Doanh thu hoạt động tài chính 2024 VND	Thu nhập khác 2024 VND	Doanh thu 2024 VND	
1	Văn phòng Công ty mẹ	1.472.517.767.384	934.096.913.123	532.211.657.487	6.209.196.774	185.485.609.800	
2	Các đơn vị phụ thuộc	327.475.949.648 409.481.173.220	325.888.713.784 403.458.980.135	1.587.235.864 6.022.193.085	- -	(15.566.361.630) (14.596.810.326)	
	Trung tâm Phát triển Sản xuất và Kinh doanh Vinatex	31.578.731.915 10.809.341 388.644	31.493.772.506 - -	81.823.894 10.809.341 388.644	3.135.515 - -	1.030.399.383 9.093.068 (2.591.356)	
3	Tổng cộng	2.241.064.820.152	1.694.938.379.548	539.914.108.315	6.212.332.289	156.359.338.939	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Nhà đầu tư		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH		
Cổ tức đã trả	80.231.430.000	160.462.860.000
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	290.002.567.308	217.365.564.832
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	2.125.277.218	1.808.118.158
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”)	5.438.253.141	5.192.299.636
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	1.010.360.737	1.504.022.838
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.129.470.914	25.774.313.713
Thu nhập tiền lãi trả chậm	-	77.556.889
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Cổ tức	111.371.025.000	129.932.864.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.721.815.511	16.264.737.361
Mua hàng hóa	1.992.060.648	2.004.546
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	5.983.169.648	5.101.715.264
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	15.309.999.010	14.617.579.970
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Doanh thu bán hàng hóa	704.228.016	492.083.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	407.303.727	298.860.606
Cổ tức	93.521.990.000	132.801.225.800
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	14.822.960.560	12.655.168.729
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	38.531.336.966	36.299.798.884
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
Doanh thu bán hàng hóa	213.736.507.807	-
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	6.013.788.850	5.173.620.179
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB Cho vay	15.549.050.994	14.845.818.648
Thu hồi gốc vay	-	10.000.000.000
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	101.375.972	414.027.397

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	4.562.422.832	4.549.957.195
Doanh thu bán hàng hóa	51.630.538.376	16.397.649.299
Doanh thu cung cấp dịch vụ	221.060.300	40.909.091
Mua hàng hóa và dịch vụ	46.931.903.710	16.613.760.299
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	3.761.322.598	3.208.739.710
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	9.630.252.277	9.194.707.732
Phí gia công	84.696.003	-
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Cổ tức	-	5.115.313.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	183.413.246	-
Mua cổ phần	-	48.999.300.000
Mua hàng hóa	63.891.500	-
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Cổ tức	36.690.366.000	36.690.366.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	375.980.474	146.155.828
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	2.273.854.390	1.935.519.047
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	5.914.625.443	5.554.015.135
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	1.798.778.632	4.202.727.672
Thu hồi gốc cho vay	23.200.000.000	23.200.000.000
Tạm ứng cổ tức	12.230.122.000	-
Doanh thu từ hoa hồng bán hàng đại lý	119.269.695	-
Mua hàng hóa	410.580.927	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.628.926.282	8.340.129.938
Thu hồi gốc cho vay	26.198.057.659	-
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	540.148.880	-
Điều chuyển tài sản	7.501.375.304	-
Cho vay	19.798.057.659	-
Nhận điều chuyển tài sản cố định	23.543.539.560	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex		
Thu hồi gốc cho vay đã trả hộ	20.729.200.554	20.000.000.000
Bán hàng hóa	31.800.000	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
Nhận điều chuyển tài sản	-	16.877.525.945
Thu hồi gốc cho vay dự án May Tuyên Quang	12.317.903.226	24.053.362.464
Lãi cho vay	629.383.507	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân		
Doanh thu bán hàng hóa	42.465.464.494	31.128.389.315
Doanh thu cung cấp dịch vụ	517.961.947	368.702.566
Thu nhập tiền lãi từ cho vay, trả chậm	1.936.673.209	2.775.311.429
Thu hồi gốc cho vay	5.700.000.000	1.000.000.000
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	1.684.209.254	1.432.579.006
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	4.308.311.094	4.113.459.675
Chi phí thuê tài sản	2.181.818.182	-
Mua hàng hóa dịch vụ	5.910.202.790	-
Điều chuyển tài sản	245.199.200	-
Tài trợ phần mềm tài chính kế toán	139.650.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
Cổ tức	10.200.000.000	6.120.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.732.415.200	9.352.977.500
Doanh thu khác	52.023.810	-
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May		
Cho vay	-	6.500.000.000
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	-	1.485.078.410
Thu hồi gốc cho vay	-	112.510.290.454
Nhận tiền bảo lãnh ứng trước	-	8.000.000.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex		
Cổ tức	22.250.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.530.818.924	1.176.222.000
Mua cổ phần	-	1.335.000.000
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP		
Cổ tức	13.797.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.876.153	90.957.575
Tổng Công ty May 10 – CTCP		
Cổ tức	15.341.097.000	10.227.398.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.002.078.230	1.045.348.729
Mua hàng hóa	13.189.206.467	16.213.824.683
Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	859.506.469	873.215.691
Mua hàng hóa	2.568.890.283	220.222.158
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Cổ tức	3.476.696.000	-
Doanh thu bán hàng hóa	4.047.619	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Cổ tức	1.984.500.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	561.729.154	559.308.966
Mua hàng hóa	414.190.508	37.037.037
Công ty Cổ phần May Đáp Cầu		
Cổ tức	2.461.095.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.000.000	-
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP		
Cổ tức	4.753.833.000	-
Mua hàng hóa	121.169.969.967	126.144.985.757
Doanh thu bán hàng hóa	141.800.000	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Cổ tức	53.623.680.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.941.829.856	3.857.834.407
Mua hàng hóa	8.977.281.540	462.000.000
Doanh thu bán hàng hóa	141.800.000	-
Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP		
Cổ tức	13.661.124.000	10.245.843.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	112.142.857	100.000.000
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Cổ tức	900.000.000	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	382.667.411	353.875.102
Mua cổ phần	4.571.000.000	-
Mua hàng hóa	1.238.141.478	-
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Cổ tức	10.080.000.000	2.520.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.970.988.912	2.068.871.750
Mua hàng hóa	5.043.926.293	-
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Cổ tức	1.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	153.482.849	1.254.173.793
Mua hàng hóa và dịch vụ	504.074.719	11.474.530
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	153.866.928	353.875.102
Cổ tức	1.066.406.000	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	1.366.402.502	805.000.000
Ông Trần Quang Nghị – Phó Chủ tịch	164.160.000	161.000.000
Ông Cao Hữu Hiếu – Thành viên	1.314.451.008	761.000.000
Ông Đặng Vũ Hùng – Thành viên	108.000.000	107.000.000
Ông Vũ Hồng Tuấn – Thành viên	108.000.000	144.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đông – Thành viên	108.000.000	107.000.000
Cơ quan Tổng Giám đốc		
Những người quản lý khác	5.096.167.689	4.812.000.000
Ban Kiểm soát		
Các thành viên Ban kiểm soát	1.118.968.219	1.118.000.000

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Số: 196/TĐDMVN-TCKT
V/v: Giải trình một số vấn đề trong
BCTC kiểm toán năm 2024

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (mã CK: VGT) giải trình một số vấn đề trong Báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG (KPMG) như sau:

1. Về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, liên quan đến tiền thuê đất và tiền chậm nộp:

Tổng Công ty CP Phong Phú là công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Khi lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2024, Ban lãnh đạo của Phong Phú đã thực hiện điều chỉnh lại một số số liệu so sánh liên quan đến chi phí thuê đất phải nộp cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2020 tại Khu đất số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 19.029 triệu VNĐ, dựa trên căn cứ các thông báo của Cơ quan thuế trong năm 2024 về tiền thuê đất phải nộp tính đến năm 2024. Ngay sau khi nhận được các thông báo của Cơ quan thuế về số tiền phải nộp nêu trên, Phong Phú đã thực hiện nộp đầy đủ tiền vào Ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, do các quy định về tiền thuê đất thay đổi theo từng thời kỳ và việc áp dụng các quy định có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, nên từ sau khi nhận được thông báo đến nay, Phong Phú đã tích cực làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để có thông tin chi tiết hơn về số tiền phải nộp theo thông báo, cũng như xác định được chính xác số tiền thuê đất còn phải nộp và các chi phí chậm nộp liên quan (nếu có) đối với khu đất nói trên cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2020.

Theo đó, ngày 9/9/2024, Phong Phú tiếp tục nhận được Thông báo số 14447/TB-CTTPHCM của Cục thuế TP Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất từ ngày 10/4/2017 đến ngày 31/12/2024; Thông báo số 10874/STNMT-QLĐ ngày 21/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hồ Chí Minh về diện tích và mục đích sử dụng đất đối với vị trí đất mà Phong Phú đang thuê. Đến thời điểm hiện tại, Phong Phú vẫn đang trong quá trình làm việc với các cơ quan hữu quan để xác định chính xác tiền thuê đất và các nghĩa vụ có liên quan, nếu có.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025, tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, KPMG đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do chưa thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết khi chưa có kết quả làm việc chính thức giữa Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú với các cơ quan hữu quan.

2. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 trên BCTC kiểm toán năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 có sự chênh lệch trên 10%:

BCTC kiểm toán Công ty mẹ:

- LNST năm 2024 trên BCTC kiểm toán Công ty mẹ: 156.359.338.939 đồng

- LNST năm 2023 trên BCTC kiểm toán Công ty mẹ: 125.550.876.435 đồng

Chênh lệch tăng: 30.808.462.504 đồng, tương đương tỷ lệ tăng 24,54% so với cùng kỳ năm trước.

BCTC kiểm toán Hợp nhất:

- LNST năm 2024 trên BCTC kiểm toán Hợp nhất: 655.438.523.394 đồng.

- LNST năm 2023 trên BCTC kiểm toán Hợp nhất: 395.883.747.325 đồng.

Chênh lệch tăng: 259.554.776.069 đồng, tương đương tỷ lệ tăng 65,56% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chính:

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất và công ty mẹ Tập đoàn năm 2024 tăng so với cùng kỳ chủ yếu do sự phục hồi tốt của thị trường. Ngành may có sự cải thiện cả về giá và số lượng đơn hàng do tận dụng được sự dịch chuyển từ các thị trường Trung Quốc, Bangladesh và Myanmar. Ngành sợi thị trường vẫn còn nhiều khó khăn, song các đơn vị sợi luôn bám sát thị trường, công tác dự báo nhanh nhạy, nhiều thời điểm chốt được giá bông, sợi tốt; cùng với đó là việc linh hoạt trong lựa chọn cơ cấu mặt hàng và quản trị sản xuất chặt chẽ nên hiệu quả toàn ngành tăng cao so với cùng kỳ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.



Cao Hữu Hiếu